TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Dung**.

Bà **Mai Thị Thảo**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 411/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 473/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H**,** sinh ngày 10/11/1990.

Địa chỉ: Khu T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà B, khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đặng Quang H2**,** sinh ngày 18/5/1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H3. Địa chỉ: Khu B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H2 và bà H3 vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phạm Thị H *trình bày:* Chị và anh Đặng Quang H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện K (nay là phường M, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 07/01/2010. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do có sự khác biệt về cách sống, vợ chồng không quan tâm và không thương yêu đến nhau. Năm 2017 vợ chồng cùng sang Đài Loan lao động, tuy nhiên cuộc sống vẫn xảy ra nhiều cãi vã, bất đồng, tháng 8/2023 chị về nước và về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không sống tại gia đình nhà chồng, anh H2 hiện vẫn chưa về nước. Vợ chồng mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Quang H2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Gia M, sinh ngày 25/7/2010 và Đặng Gia H4, sinh ngày 13/6/2012, hiện các con đang ở với ông bà nội là ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị H3. Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Đặng Gia H4, anh H2 nuôi con Đặng Gia M cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh H2 không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí để con Đặng Gia M ở với bà Nguyễn Thị H3.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị H ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H1 thay chị giao, nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, ông H1 đã thông báo cho chị biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H2 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H2. Bà Nguyễn Thị H3 (là mẹ đẻ anh H2) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H2 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H2 vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H2 biết, thông qua gia đình anh H2 xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị

H trình bày là đúng, anh đề nghị để chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định, trường hợp chị H không nuôi con thì anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho bố, mẹ thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H3 nhất trí thay anh H2 chăm sóc các cháu cho đến khi anh H2 về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi các cháu.

Con chung của chị H và anh H2 là cháu Đặng Gia M và cháu Đựng Gia H5 đều có nguyện vọng được ở với anh H2 và bà H3.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đặng Quang H2. Về con chung: Giao con chung Đặng Gia H4 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung Đặng Gia M cho anh H2 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Đặng Gia M cho bà Nguyễn Thị H3 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H2 không có mặt tại Việt Nam. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn anh Đặng Quang H2 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương, hiện anh H2 đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H2. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H2 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H3 là

mẹ đẻ anh H2 để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh H2 đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà H3 vẫn liên lạc với anh H2 và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh H2. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H2 và bà H3 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Đặng Quang H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện K (nay là phường M, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 07/01/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh chị không quan tâm và không yêu thương lẫn nhau. Năm 2017, anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được. Tháng 8/2023 chị H về nước và về nhà bố mẹ đẻ ở, anh H2 vẫn đang lao động tại Đài Loan, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H2. Thông qua gia đình anh H2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, chị H có đơn xin ly hôn, anh nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị H và anh Đặng Quang H2 có 02 con chung là Đặng Gia M, sinh ngày 25/7/2010 và Đặng Gia H4, sinh ngày 13/6/2012, hiện các con đang ở với ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị H3. Anh H2 đề nghị để chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung hoặc là anh chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Tuy nhiên chị H đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Đặng Gia H4 và để anh H2 nuôi con Đặng Gia M cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Con chung Đặng Gia M và Đặng Gia H4 cùng có nguyện vọng được ở với anh H2 và ông bà nội. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các con đều có nguyện vọng được ở với anh H2, anh H2 có quan điểm hoặc là chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, hoặc là anh H2 nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Tuy nhiên anh H2 đang lao động tại Đài Loan không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị H đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Đặng Gia H4, anh H2 nuôi con Đặng Gia M cho đến khi các con thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần giao con Đặng

Gia H4 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng; Giao con Đặng Gia M cho anh H2 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao con chung Đặng Gia M cho bà Nguyễn Thị H3 nuôi dưỡng trong thời gian anh H2 không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị H, anh H2 xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Đặng Quang H2.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Gia H4, sinh ngày 13/6/2012; Giao cho anh Đặng Quang H2 được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Gia M, sinh ngày 25/7/2010 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con chung Đặng Gia M cho bà Nguyễn Thị H3 nuôi dưỡng trong thời gian anh H2 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000490 ngày 05/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông Nguyễn Thanh H1 nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị H3 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Đặng Quang H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường